

XÁC ĐỊNH NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN, CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC TRONG VIỆC LÀM VÀ HỌC NGHỀ CỦA LAO ĐỘNG THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Dương Ngọc Thành^{*}
Phạm Đức Thuận^{**}

Giới thiệu

Nông thôn đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) có nguồn lao động dồi dào và tiềm năng, là nơi cung cấp và hậu thuẫn đắc lực về nguồn nhân lực cho các khu đô thị và khu công nghiệp. Thế nhưng, một thực tế đối với lao động nông thôn hiện nay là thị trường lao động tại khu vực này chưa thực sự phát triển, còn phân tán và sơ khai. Bản thân lao động nông thôn chưa có cơ hội phát huy khả năng cống hiến của mình cho sự nghiệp phát triển nông thôn. Đây là thách thức lớn đối với chính lao động nông thôn cũng như các nhà làm chính sách trước yêu cầu công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông thôn.

Trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế và phát triển mới theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì con người là yếu tố đặc biệt quan trọng. Tuy nhiên, thách thức lớn nhất là lực lượng lao động tuy đông về số lượng nhưng có chất lượng nhìn chung còn thấp, sức cạnh tranh so với nhiều nước khu vực và thế giới hạn chế. Chất lượng nguồn lao động thấp thể hiện ở khả năng làm việc bị hạn

chế do tay nghề, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng làm việc còn thấp (Bộ Lao động – Thương Binh và Xã hội, 2007).

Giải pháp nào giúp cho người lao động nông thôn có cơ hội hội nhập được với thế giới việc làm, vừa đảm bảo tăng thu nhập cho người lao động, vừa đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng cuộc sống nông thôn, góp phần thúc đẩy phát triển nông thôn bền vững? Bài viết này nghiên cứu những thuận lợi, khó khăn, cơ hội và thách thức của lao động trong việc làm và học nghề tại thành phố Cần Thơ (TPCT); qua đó, đề xuất giải pháp nâng cao tay nghề và giúp lao động có việc làm ổn định.

1. Việc làm của lao động nông thôn

Việc hội nhập Tổ chức Thương mại thế giới cũng là một cơ hội tốt cho lao động tìm việc làm. Vì thế, việc tiếp cận thông tin tuyển dụng là rất quan trọng để lao động tìm được công việc phù hợp với khả năng của mình. Nhằm tìm hiểu rõ cách tiếp cận thông tin tìm việc của lao động ở nông thôn TPCT, câu hỏi được đặt ra là: “Nguồn tiếp

^{*} Dương Ngọc Thành, Phó giáo sư, Tiến sĩ, Viện Nghiên cứu Phát triển đồng bằng sông Cửu Long - Trường Đại học Cần Thơ.
^{**} Phạm Đức Thuận, Thạc sĩ, Sứ Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ.

cận thông tin tìm việc từ đâu". Hầu hết lao động nhận được thông tin tìm việc chủ yếu từ bà con, anh chị em, bạn bè và hàng xóm, những người quen này đi làm ở các công ty, xí nghiệp rồi xin việc cho nhau. Bên cạnh đó, việc phát triển công nghệ thông tin đã giúp cho lao động tìm việc thông qua các thông báo tuyển dụng trên thông tin đại chúng.

Ngoài ra, một số lao động tìm được việc thông qua chính quyền địa phương và nơi đào tạo. Hiện nay, các xã, phường và nơi đào tạo luôn chủ động giải quyết việc làm cho lao động bằng cách giới thiệu việc làm cho các doanh nghiệp, tuy vậy, số lượng lao động đáp ứng được nhu cầu của nhà tuyển dụng rất ít.

Tỷ trọng học sinh có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp, theo báo cáo của các trường, bình quân đạt trên 68%. Đặc biệt, trường Cao đẳng nghề Cần Thơ có số học sinh tốt nghiệp ra trường có việc làm ngay là trên 80%; số trường còn lại không phải không có việc làm mà là do người lao động vẫn phân vân, lựa chọn nhằm tìm kiếm việc làm có thu nhập cao hơn. Đối với đào tạo nghề cho lao động nông thôn, ước có khoảng trên 75% lao động có việc làm sau khi học nghề thông qua các hình thức tự tạo việc làm và tìm kiếm việc làm mới tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Tính đến tháng 11/2011, các cơ sở dạy nghề trên địa bàn Thành phố đã tuyển sinh và dạy nghề cho 33.435 người, đạt 95,53% kế hoạch, trong đó, cao đẳng nghề 1.350 người, trung cấp nghề 1.665 người, sơ cấp nghề là 16.213 người và dạy nghề dưới 3 tháng là 14.207 người, nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề so với tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế quốc dân là 45%.

Trong năm 2011 cũng đạt nhiều kết quả bước đầu quan trọng như: đã dạy nghề cho 5.975 người bằng nguồn kinh phí hỗ trợ của ngân sách, trong đó đối tượng hộ nghèo là 500 người, gia đình chính sách 275 người, người dân tộc thiểu số 96 người, bộ đội xuất ngũ 72 người, người bị thu hồi đất là 187, hộ cận nghèo 200 người, số còn lại là lao động nông thôn, chính sách xã hội khác. Công tác tuyên truyền, quán triệt các quan điểm, mục đích, yêu cầu, mục tiêu, chính sách đến cán bộ, đảng viên và nhân dân được thực hiện tốt; bước đầu xây dựng được các mô hình dạy nghề gắn với giải quyết việc làm; các địa phương từng bước quan tâm hơn đến công tác xác định nghề cần đào tạo cho người lao động nhằm phục vụ cho phát triển kinh tế xã hội của địa phương, tích cực xây dựng các mô hình nhằm tạo điều kiện cho người lao động có việc làm sau khi học nghề.

Nhìn chung, việc cung cấp thông tin của các cơ quan nhà nước còn rất khiêm tốn. Do đó, trong tương lai các cơ quan, ban ngành có liên quan tăng cường cung cấp thông tin về việc làm để giúp cho người lao động tìm được công việc phù hợp. Chính vì vậy, một hệ thống thông tin thị trường lao động là rất cần thiết cho người lao động nhất là ở các vùng nông thôn. Hệ thống tư vấn nghề nghiệp trong các trường học hiện nay cần được củng cố để giúp lao động trẻ cần biết được những cơ hội của mình, những loại hình công việc hiện có trên thị trường và họ phải làm gì để chuẩn bị cho công việc đó.

a. Thuận lợi và khó khăn của lao động đang làm việc

**** Thuận lợi***

Hiện nay, do ảnh hưởng của quá trình đô thị hóa và việc phát triển các khu công nghiệp đã giải quyết được số lượng lớn lao động ở TPCT. Thuận lợi chính hiện nay của

lao động gồm:

- Tạo được sự chuyển biến tích cực trong nhận thức của các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và người lao động về mục đích, ý nghĩa và vai trò của đào tạo nghề cho lao động nông thôn đối với phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nói chung, góp phần xóa đói, giảm nghèo, nâng cao mức sống, phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

- Xác định, phân công rõ trách nhiệm cũng như mối quan hệ giữa các cơ quan có liên quan từ việc điều tra, khảo sát nhu cầu, xác định loại nghề cần đào tạo, đến việc tổ chức dạy nghề gắn với giải quyết việc làm, sử dụng lao động sau đào tạo nghề.

- Tỷ lệ lao động học nghề gắn với việc làm và có việc làm mới ở một số quận, huyện, một số mô hình đạt mức cao; sau đào tạo đã có hiệu quả rõ rệt, góp phần tăng năng suất và hiệu quả sản xuất, lao động tận dụng được thời gian nông nhàn để sản xuất, một bộ phận lao động nông thôn chuyển sang lĩnh vực phi nông nghiệp, một số hộ dân đã có cơ hội thoát nghèo.

- Có đất sản xuất, dễ làm, không cần tay nghề và trình độ cao: Phần lớn những hộ sản xuất nông nghiệp thì cho rằng có đất sản xuất (24,26%), có kinh nghiệm sản xuất (16,09%) và dễ làm không đòi hỏi trình độ cao trong sản xuất. Bên cạnh đó, một số khâu sản xuất của các công ty, xí nghiệp hoạt động trên địa bàn lại cần những lao động phổ thông nên thu hút và giải quyết việc làm cho những lao động không có trình độ chuyên môn, tay nghề. Đây sẽ là một trong những thuận lợi đối với lao động phổ thông đang làm việc.

- Gần khu công nghiệp dễ tìm việc làm gần nhà: Hiện nay, các khu công nghiệp ở

TPCT không ngừng phát triển như: khu công nghiệp Trà Nóc I, Trà Nóc II, Cái Sơn Hàng Bàng và khu công nghiệp mới Hưng Phú 2A, Hưng Phú 2B, đã thu hút và giải quyết việc làm cho nhiều lao động nông thôn và điều này có ý nghĩa rất quan trọng đối với với những lao động đang làm việc tại các khu công nghiệp ở những tỉnh, thành khác như: thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM), Đồng Nai, Bình Dương,... Thay vì đi làm ở những tỉnh khác thì phải tốn nhiều khoản chi phí sinh hoạt đặc biệt là chi phí ăn, ở đây là hai khoản chi phí lớn mà người lao động đi làm xa nhà bắt buộc phải chi. Ngược lại, nếu họ đi làm gần nhà sẽ tiết kiệm được những khoản chi đó hoặc nếu có ở trọ lại thì chi phí ở Cần Thơ vẫn thấp hơn so các khu công nghiệp ở các nơi khác. Vì vậy, người lao động có thể tích lũy được nhiều hơn. Ngoài những thuận lợi nêu trên thì còn một số thuận lợi khác chiếm tỷ lệ thấp như: sản phẩm nông nghiệp dễ bán, được nhà nước hỗ trợ vay vốn lãi suất thấp và quan hệ xã hội rộng hơn.

** Khó khăn*

Bên cạnh những thuận lợi, người lao động trong vùng còn gặp nhiều khó khăn, được thể hiện như sau:

Thu nhập không ổn định. Thu nhập không ổn định là nỗi quan tâm của hầu hết các lao động nhất là lao động phổ thông không có tay nghề và bằng cấp. Vì vậy, họ gặp phải những công việc bấp bênh và thu nhập không ổn định. Đây là khó khăn lớn nhất của lao động vì trong những năm gần đây, giá cả các mặt hàng liên tục tăng trong khi đó lương của lao động không tăng hoặc tăng không đáng kể nên ảnh hưởng đến chi tiêu của gia đình.

- *Đối với lao động sản xuất nông nghiệp,* khó khăn lớn nhất là giá đầu vào và đầu ra

trong sản xuất nông nghiệp không ổn định, ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ, giá bán sản phẩm nông nghiệp luôn bất ổn, giá của vật tư nông nghiệp cao, giá lao động làm thuê, những bất ổn về dịch hại,... ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ, đặc biệt là dịch bệnh ngày càng trở nên phức tạp. Thêm vào đó, do tác động của quá trình đô thị hóa một bộ phận thanh niên dịch chuyển ra thành thị đi làm tại các khu công nghiệp nên lúc cần thì thiếu lao động. Vì vậy, giá thuê lao động cao là gánh nặng của người sản xuất nông nghiệp.

- *Đối với nhóm công nhân:* Đối với những lao động phổ thông (trình độ thấp và không có tay nghề) làm công nhân trong các khu công nghiệp, họ cho rằng làm việc trong môi trường độc hại, bệnh nghề nghiệp, công nhân phải thường xuyên làm việc tăng ca, thời gian làm việc thất thường (mặc dù, tăng ca được trả thêm tiền nhưng theo họ trả tiền giờ tăng ca rất thấp nên thời gian làm nhiều nhưng lương cũng không cao).

Trên đây là những yếu tố ảnh hưởng đến việc thu hút lao động trong thời gian tới, chất lượng của nguồn lao động trong tương lai và cũng là gánh nặng của gia đình và bản thân người lao động sau này. Do vậy, Nhà nước cần tăng cường kiểm tra việc thực hiện chế độ bảo hộ lao động tại các công ty, xí nghiệp để bảo vệ quyền lợi cho người lao động.

b. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của lao động trong việc làm

**** Điểm mạnh***

+ Lực lượng lao động của TPCT khá dồi dào về số lượng, số người trong độ tuổi lao động chiếm khoảng 70%, tuy nhiên, chủ yếu là lao động phổ thông. Bên cạnh đó, số lao động là học sinh, sinh viên khá nhiều, nếu

được đào tạo liên tục trong thời gian tới sẽ là một lực lượng nòng cốt cho sự phát triển của TPCT.

+ Thông tin tuyển dụng được phổ biến bằng nhiều hình thức: Hiện nay, thông tin tuyển dụng lao động đã được thông báo bằng nhiều hình thức như: Báo, đài, truyền hình, internet, tờ rơi,... đã được phát triển đến các vùng nông thôn. Đây là một thuận lợi giúp cho lao động dễ dàng tìm việc phù hợp với chính mình.

+ Trên địa bàn TPCT có nhiều khu công nghiệp tập trung như: Trà Nóc 1, Trà Nóc 2, Hưng Phú 2A, Hưng Phú 2B, Thốt Nốt 1, Thốt Nốt 2. Bên cạnh đó, hệ thống siêu thị và trung tâm thương mại dịch vụ cũng phát triển mạnh. Từ đó tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư cả trong lẫn ngoài nước, và thu hút tài năng đến lập nghiệp. Thêm vào đó, cầu Cần Thơ đi vào hoạt động sẽ là cơ hội tập trung cao hơn cho phát triển công nghiệp, tạo sức bật mới cho phát triển toàn diện và bền vững kinh tế - xã hội. Trong đó, ưu tiên là giải quyết lao động việc làm cho lao động nông thôn khi có các doanh nghiệp đầu tư trên địa các quận, huyện tại TPCT.

+ Các ngành chức năng từ cấp thành phố đến các đoàn thể của quận, huyện quan tâm chỉ đạo về tích cực ủng hộ người lao động, tạo điều kiện thuận lợi về xét duyệt thủ tục hành chính khi xin việc, cũng như tuyên truyền thông tin nhu cầu tuyển lao động của các công ty trong khu vực cho người lao động nắm bắt cơ hội việc làm. Giáo dục - đào tạo thế hệ trẻ là thành phần quan trọng trong việc cung cấp nguồn nhân lực cho tương lai. Ưu tiên nâng cao chất lượng giáo dục và dạy nghề cho lao động.

**** Điểm yếu***

+ Phần lớn lao động ở các vùng nông thôn trình độ học vấn thấp, thiếu trình độ chuyên

môn, kỹ thuật và quản lý, chủ yếu xuất phát từ nghề nông. Chính vì vậy, nhiều lao động không có khả năng đáp ứng yêu cầu của công việc cũng như của nhà tuyển dụng. Đào tạo nghề thời gian qua thường là ngắn hạn (1-3 tháng), chất lượng đào tạo và tay nghề của người được đào tạo còn rất yếu (chủ yếu sơ cấp). Do đó, người lao động không tự tin để làm và nếu có làm cũng được thuê với mức lương rất thấp. Bên cạnh đó, hạn chế lớn nhất của chương trình đào tạo nghề cho lao động là chưa gắn với đầu ra (nơi tuyển dụng). Công tác đào tạo nghề trên các quận, huyện thiếu tính liên kết, thiếu chiều sâu, chất lượng đào tạo thấp, vừa thừa nhưng lại vừa thiếu, không có chiến lược phát triển hiệu quả và bền vững. Mặt khác, các đơn vị dạy nghề, người học nghề và các đơn vị sử dụng lao động vẫn chưa gặp nhau nên trong thực tế công tác dạy nghề còn gặp khó khăn: Người học nghề không tìm được việc làm, người học nghề xong không muốn đi làm hoặc nhiều lớp dạy nghề không chiêu sinh được học viên mặc dù Nhà nước đã hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ kinh phí đào tạo.

+ Như trên đã nói, cung lao động nông thôn dồi dào nhưng chất lượng chưa cao về học vấn, chuyên môn kỹ thuật nên phần lớn lao động nông thôn là lao động phổ thông. Do đó, tác ảnh hưởng phần nào đến nhận thức của người lao động. Phần lớn lao động lao động thiếu định hướng mục tiêu việc làm, nên chưa gắn bó với công việc, dẫn đến tình trạng bỏ việc và nhảy việc làm thường xuyên nên thu nhập không ổn định. Mặt khác, do lao động nông thôn thường gắn liền với sản xuất nông nghiệp và không quen làm việc trong môi trường gò bó. Vì lẽ đó, nên khi chuyển sang làm việc cho các công ty thì lao động không quen với tác phong làm việc nghiêm túc, tuân thủ kỷ luật lao động và có tinh thần làm việc theo nhóm.

+ Công tác vận động tuyên truyền về lao động, việc làm cho người lao động có sự quan tâm của các cấp chính quyền, các đoàn thể và các nhà tuyển dụng tư vấn giới thiệu đến tận địa phương. Tuy nhiên, số lao động nông thôn tiếp cận thông tin và đến tư vấn việc làm rất ít. Nguyên nhân là do người lao động không được thường xuyên tiếp cận các thông tin về tuyển dụng, tham gia các hoạt động tư vấn, việc làm. Vì vậy, các địa phương cần phối hợp chặt chẽ với các ngành, đơn vị chức năng, các doanh nghiệp tăng cường tuyên truyền, phổ biến các thông tin việc làm, tuyển dụng đến người lao động.

+ Hiện nay, tại các địa phương việc đánh giá việc làm và thu nhập của lao động tại các công ty, xí nghiệp chưa được thực hiện, mà chủ yếu thống kê số lượng tuyển dụng, theo dõi tình hình việc làm, thu nhập thông qua một số lao động và báo đài.

** Cơ hội*

+ Hiện nay, trên địa bàn TPCT đã được xây dựng nhiều khu công nghiệp, cơ sở hạ tầng đang được đầu tư và phát triển sẽ là cơ hội tốt để thu hút các nhà đầu tư về hoạt động. Vì vậy, trong thời gian tới nhu cầu lao động của các xí nghiệp ngày càng nhiều.

+ Trong thời gian qua, Sở Lao động Thương binh và Xã hội TPCT đã thực hiện dự án dạy nghề cho người lao động ở nông thôn, dạy nghề cho cán bộ, cho bộ đội phục viên xuất ngũ,... Các đề án này sẽ góp phần đào tạo nghề cho người lao động, giúp họ tìm được việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động, đồng thời nó góp phần lớn cho việc đào tạo nâng cao nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn kỹ thuật và tay nghề ngày càng cao.

+ Để tạo điều kiện cho thanh niên tìm việc làm, trong thời gian qua Trung tâm Giới thiệu việc làm thuộc Sở Lao động

Thương binh và Xã hội TPCT đã duy trì và giữ vững hoạt động sản giao dịch việc làm, nhằm tư vấn việc làm cho người có nhu cầu tìm việc trong và ngoài nước. Ngoài ra, trên địa bàn TPCT còn có Trung tâm Tư vấn giới thiệu việc làm thanh niên. Hàng năm, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội liên kết với các trung tâm liên kết với các đơn vị tổ chức các buổi phỏng vấn, tuyển dụng trực tiếp, trang bị các kiến thức cần thiết khi đi phỏng vấn và làm việc. Đây là cơ hội tốt giúp cho lao động tìm việc làm.

** Thách thức (đe dọa)*

+ Lực lượng lao động của các vùng nông thôn chủ yếu là lao động phổ thông có trình độ tay nghề thấp, trong khi đó nhu cầu lao động ngày càng cao về chất lượng sau khi Việt Nam gia nhập WTO. Ngoài ra, TPCT là vùng kinh tế trọng điểm của vùng DBSCL thì khả năng ứng dụng nhanh các tiến bộ khoa học kỹ thuật để phục vụ là một tất yếu. Tuy nhiên, nếu lực lượng lao động trên địa bàn không đủ trình độ chuyên môn tay nghề để đáp ứng với sự tiến bộ kỹ thuật cao, thì tương lai phải nhường chỗ cho lực lượng lao động tri thức ở các nơi khác.

+ Vấn đề đáng quan tâm là sức khỏe người lao động ngày càng bị đe dọa, khả năng mắc bệnh nghề nghiệp của công nhân

dẫn đến nghỉ việc. Người lao động khi bị bệnh hoặc lớn tuổi (thường từ 35 tuổi trở lên) thì khả năng mất việc cao và ít có khả năng xin việc mới, do các công ty tuyển dụng chỉ tuyển dụng lao động trẻ.

+ Khi các khu công nghiệp phát triển thu hút nhiều lao động từ nông thôn ra thành thị thì khuynh hướng gia tăng dân cư xung quanh các khu vực này ngày càng nhiều. Vì vậy, tình trạng ô nhiễm, bệnh, tệ nạn xã hội, an ninh trật tự sẽ không đảm bảo.

+ Phần lớn lao động do trình độ thấp và tay nghề yếu nên thu nhập không cao nên họ sẵn sàng thay đổi việc nếu công việc khác có thu nhập khá hơn. Tình trạng lao động bỏ việc giữa chừng dẫn đến các doanh nghiệp luôn phải đối phó với tình trạng thiếu lao động.

c. Các nhóm giải pháp

Một số giải pháp về việc làm của lao động nông thôn vùng ven TPCT từ ma trận SWOT

Dựa vào thực trạng lao động việc làm của lao động nông thôn tại các quận, huyện của TPCT trong thời gian qua, trên cơ sở phân tích điểm mạnh điểm yếu, cơ hội và đe dọa từ đó thiết lập nên ma trận SWOT như Bảng 1:

SWOT	Yếu tố bên trong	
	Liệt kê các điểm mạnh (S)	Liệt kê các điểm yếu (W)
	S ₁ . Lao động nông thôn dồi dào và cần cù	W ₁ . Chất lượng lao động còn thấp
	S ₂ . Thông tin tuyển dụng được đăng tải bằng nhiều hình thức	W ₂ . Nhận thức và tinh kỷ luật của người lao động chưa cao
	S ₃ . Nhiều khu công nghiệp phát triển tại TPCT	W ₃ . Chưa có chính sách đủ mạnh để thu hút nhà đầu tư về nông thôn
	S ₄ . Được sự hỗ trợ của các cơ quan chức năng	W ₄ . Thiếu khả năng bảo vệ quyền lợi của chính mình và hạn chế tiếp cận thông tin thị trường
		W ₅ . Công tác tuyên truyền, tư vấn việc làm chưa sâu rộng

		Yếu tố bên trong	
Yếu tố bên ngoài	Liệt kê các cơ hội (O) O_1 : Nhu cầu tuyển dụng lao động ngày càng nhiều O_2 : Có chính sách đào tạo nghề miễn phí tại nông thôn O_3 : Liên kết với các nhà tuyển dụng tuyển dụng tại địa phương O_4 : Các trung tâm tư vấn giới thiệu việc làm ngày càng được đầu tư phát triển	S+O: Phát triển, đầu tư $S_1, S_3 + O_1, O_2, O_3 \rightarrow$ - Nâng cao tay nghề và tạo cơ hội tăng thu nhập cho người lao động. - Tạo sự liên kết giữa lao động và người sử dụng lao động. $S_2, S_4 + O_3, O_4 \rightarrow$ Tư vấn nghề tại địa phương hay phát triển internet công cộng tại nông thôn	W+O: Tận dụng, khắc phục $W_1 + O_1, O_2, O_3 \rightarrow$ Đầu tư vào công tác đào tạo và nâng cao hiệu quả giải quyết việc làm. $W_2, W_4, W_5 + O_4, O_3 \rightarrow$ cải thiện hoạt động tư vấn, tuyên truyền nâng cao nhận thức lao động và luật lao động $W_3 + O_1, O_2, O_3 \rightarrow$ Cần quy hoạch cụ thể và có chính sách thu hút các nhà đầu tư. $W_1 + O_3 \rightarrow$ Các ngành chức năng khảo sát thực tế về việc làm, thu nhập của lao động và lồng ghép hướng dẫn luật lao động
	Liệt kê các thách thức (T) T_1 : Nhu cầu trình độ tay nghề cao, sự cạnh tranh việc làm từ nơi khác. Nguy cơ bị sa thải. T_2 : Bệnh nghề nghiệp T_3 : Nhiễm các thói hư tật xấu nơi đông người và chất lượng cuộc sống giảm T_4 : Việc làm không ổn định nên thường xuyên thay đổi cho làm.	S+T: Duy trì, khống chế $S_1, S_3 + T_1, T_2 \rightarrow$ Tăng cường kiểm tra môi trường và an toàn thực phẩm đối với đơn vị sử dụng lao động. $S_1, S_2, S_3, S_4 + T_4, T_1 \rightarrow$ Đào tạo nghề. Nâng cao ý thức trách nhiệm của người lao động qua chương trình đào tạo và tuyên truyền.	W+T: Khắc phục, né tránh $W_1, W_2, W_4 + T_1, T_4 \rightarrow$ Liên kết đẩy mạnh thông tin tuyên truyền và dạy nghề cho người lao động $W_2, W_4, W_5 + T_2, T_3 \rightarrow$ Nâng cao sự hiểu biết của lao động khi sử dụng hợp đồng lao động và vai trò của công đoàn của nơi sử dụng lao động. $W_3 + T_1 \rightarrow$ Kêu gọi đầu tư tại các vùng nông thôn nhằm thu hút lao động

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả thực hiện PRA, 2010.

* Các nhóm giải pháp cụ thể

Công nghiệp hóa nông thôn là chủ trương xây dựng nông phát triển bền vững và thu hẹp khoảng cách khác biệt giữa nông thôn - thành thị. Vì vậy, phát triển và sử dụng hiệu quả nguồn lao động nông thôn, tạo cơ hội để người lao động tiếp cận được thị trường lao động và có việc làm ổn định, tăng thu nhập cũng là một trong các cách góp phần làm cho nông thôn ngày càng đổi mới và phát triển. Để có được điều đó, cần phải có sự phối hợp nhịp nhàng, đồng bộ của các nhóm giải pháp khác nhau. Trên cơ sở phân tích trên, nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế theo định hướng phát triển của các quận, huyện, đề tài đưa ra một vài giải pháp sau:

A. Nhóm giải pháp đào tạo nguồn nhân lực theo định hướng phát triển kinh tế và tiếp cận việc làm

- Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, xã hội và lao động nông thôn về vai trò của đào tạo nghề đối với việc tạo việc làm, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn: Thông qua việc xây dựng kế hoạch, quy hoạch hoặc chương trình hành động cụ thể để tổ chức thực hiện Chỉ thị về công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn của Thành ủy và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố. Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, các cơ quan báo, đài tăng cường tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và

Nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn; tư vấn học nghề, việc làm miễn phí và vận động các thành viên của mình tham gia học nghề.

- Các cơ quan chức năng của thành phố phối hợp phát triển và hoàn thiện mạng lưới dạy nghề tại các huyện xa trung tâm thành phố. Tiếp tục củng cố và đầu tư cho các trường cao đẳng nghề, tạo điều kiện mở các lớp dạy nghề cho người nghèo. Khuyến khích thành lập các cơ sở dạy nghề công lập nhằm tạo cơ hội học nghề cho lao động.

- Tăng cường công tác tuyên truyền nhằm làm thay đổi căn bản nhận thức của người lao động, đặc biệt là lao động trẻ về mục đích, ý nghĩa của việc học nghề trong thị trường lao động hiện tại và tương lai, học nghề để có cơ hội tìm kiếm việc làm, có thu nhập ổn định. Hướng nghiệp cho học sinh cuối cấp III, các bậc cha mẹ về vấn đề học vấn của con em của họ cũng như định hướng việc làm trong tương lai để giúp người lao động định hướng bước đầu về việc làm, có sự chuẩn bị để không bị bỏ rơi về việc làm, không phải lúng túng và bỏ việc giữa chừng. Các cơ quan chức năng gắn kết trách nhiệm của các cấp, các ngành vào công tác đào tạo nghề. Hướng nghiệp cần phải phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, nhằm tránh tình trạng nguồn tài nguyên lao động bị lãng phí nhưng đồng thời lại tạo thành gánh nặng cho xã hội.

Thiết lập mối quan hệ giữa Nhà nước, doanh nghiệp và người lao động nhằm phục vụ đào tạo, mở rộng các ngành nghề đào tạo phù hợp với các đơn đặt hàng của các khu công nghiệp, chế xuất. Cần đẩy mạnh công tác dạy nghề bằng cách để các đơn vị sử dụng lao động (công ty, xí nghiệp tuyển dụng) cùng phụ trách tổ chức hoặc hợp đồng đào tạo tay nghề cho người lao động sau đó nhận về làm.

- Ban hành các chính sách khuyến khích đối với các cơ sở dạy nghề, người học và giáo viên dạy nghề, đẩy mạnh xã hội hóa dạy nghề. Xã hội hóa công tác đào tạo, bồi dưỡng lao động nông thôn. Xã hội hóa còn thể hiện ở chỗ người học, người sử dụng và địa phương cùng chia sẻ kinh phí. Cùng tham gia xây dựng cơ sở vật chất cho đào tạo, bồi dưỡng như xây dựng các trung tâm học tập cộng đồng, tận dụng các trường học khi nghỉ hè, các câu lạc bộ hoặc nhà dân và cùng sử dụng tốt lao động được đào tạo bồi dưỡng.

B. Nhóm giải pháp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động

Đối với các vùng nông thôn có các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp cần quan tâm thúc đẩy phát triển nhưng phải gắn với nhu cầu của thị trường trong nước và ngoài nước. Phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp gắn với các hoạt động sản xuất nông nghiệp, dịch vụ phi nông nghiệp và tạo ra thu nhập chính ở nông thôn. Đây là hình thức giải quyết việc làm tại chỗ, người lao động không cần phải đi làm xa, giảm được chi phí xã hội, giảm được tình trạng di dân và giảm các tác động tiêu cực của quá trình di dân mang lại.

- Nâng cao hiệu quả giải quyết việc làm sau đào tạo nghề: Đào tạo phải gắn với nhu cầu việc làm của người lao động, của doanh nghiệp.

Tăng cường mở các buổi Hội Chợ việc làm tại các địa phương (các huyện xa trung tâm thành phố, nơi thiếu điều kiện thông tin về việc làm, đào tạo nghề,...). Các thông tin phải được chuyển tải nhanh và trực tiếp đến người lao động nhằm phát huy tối đa hiệu quả của hội chợ việc làm, bằng nhiều phương tiện phong phú khác nhau như: Internet, báo, tờ rơi, băng rôn, đài phát thanh,...

- Đẩy mạnh công tác định hướng nghề nghiệp cho người lao động nông thôn nhất là thanh niên: Thông qua nhiều kênh thông tin và hình thức thực hiện để thanh niên dễ dàng tiếp cận và tìm hiểu những ngành nghề mà mình dự định theo học, cũng như việc định hướng cho họ, giúp họ hiểu rõ hơn học xong ra trường họ sẽ làm gì,... Đổi mới chương trình và nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục hướng nghiệp trong các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông để học sinh có thái độ đúng đắn về học nghề và chủ động lựa chọn các loại hình học nghề phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh của mình.

- Các ban ngành chức năng nên quan tâm theo dõi, các đơn vị sử dụng lao động có phù hợp với qui định của luật lao động và các chính sách chăm lo đời sống phúc lợi cho người lao động, đồng thời phải ấn định mức lương tối thiểu cho người lao động phù hợp với giá cả thị trường,... để người lao động an tâm làm việc gắn bó lâu dài với công ty, doanh nghiệp, tạo việc làm và thu nhập ổn định nuôi sống bản thân và gia đình.

2. Học nghề của lao động nông thôn

Phát triển nông thôn bền vững theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa là chủ trương lớn của Nhà nước, nhằm nhấn mạnh đến việc sử dụng các nguồn lực một cách hiệu quả để thúc đẩy kinh tế nông thôn phát triển. Do vậy, việc thực hiện chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn là một trong những chính sách thiết thực trong chính sách phát triển nông thôn hiện nay. Do đó, cần được xây dựng và thực hiện trên cơ sở kết hợp hài hòa và hợp lý giữa phát triển kinh tế, phát triển xã hội để nông thôn thật sự phát triển và bền vững.

a. Thực trạng học nghề của lao động nông thôn

Thành phố hiện có 58 cơ sở dạy nghề,

trong đó có 01 trường cao đẳng nghề, 02 phân hiệu trường cao đẳng nghề, 02 trường trung cấp nghề (trong đó có trường Trung cấp nghề Thái Lai mới thành lập, là trường trọng điểm dạy nghề cho lao động nông thôn), 07 trường cao đẳng và trung học chuyên nghiệp có dạy nghề, 06 trung tâm dạy nghề quận, huyện và 40 cơ sở khác và doanh nghiệp có dạy nghề.

- Mạng lưới cơ sở dạy nghề công lập thuộc địa phương quản lý hiện có: 01 Trường Cao đẳng nghề, 01 Trường Trung cấp nghề và 06 Trung tâm dạy nghề các quận, huyện.

- Quy mô đào tạo của các cơ sở dạy nghề hiện khoảng từ 30.000 - 34.000 người/năm. Trong đó, sinh viên cao đẳng nghề là: 1.200; học sinh trung cấp nghề là 2.500; học viên sơ cấp nghề là: 21.500; dạy nghề dưới 03 tháng khoảng: 4.800 - 8.800 người.

- Các trường cao đẳng nghề, cao đẳng chuyên nghiệp có tham gia dạy nghề đào tạo khoảng 9.220 sinh viên, học sinh các trình độ nghề, với 16 nghề đào tạo.

Trường trung cấp nghề, trung cấp chuyên nghiệp có tham gia dạy nghề đào tạo khoảng 11.300 sinh viên, học sinh các trình độ nghề, với 30 nghề đào tạo.

- Trung tâm dạy nghề các quận, huyện đào tạo khoảng 1.500 học viên trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 03 tháng, với khoảng 10 nghề đào tạo như: điện, điện tử, hàn, may gia dụng, may công nghiệp, tin học, chăn nuôi thú y, điện lạnh, sửa xe gắn máy, xây dựng...

- Các cơ sở dạy nghề khác đào tạo khoảng 8.000 - 12.000 người, trình độ đào tạo là sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 03 tháng với khoảng 50 nghề.

- Dạy nghề cho lao động nông thôn được thực hiện dưới nhiều hình thức: dạy nghề chính quy tại cơ sở dạy nghề; dạy nghề gắn

với giải quyết việc làm tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh - dịch vụ; dạy nghề gắn với các mô hình sản xuất tự tạo việc làm, dạy nghề phục vụ xuất khẩu lao động...

- Cơ sở vật chất, thiết bị của một số cơ sở dạy nghề đã được tăng cường đầu tư từ nhiều nguồn (ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương...). Đến nay, về cơ bản các Trung tâm dạy nghề quận, huyện đã được đầu tư thiết bị để phục vụ giảng dạy đáp ứng một bước yêu cầu của việc thực hành cơ bản như: điện lạnh, hàn, sửa xe gắn máy, xây dựng, tin học, may gia dụng, may công nghiệp, tiện, phay, bào; Trường Cao đẳng nghề Cần Thơ đã được trang bị tương đối đồng bộ, hiện đại ở một số nghề như: tự động hóa, điện công nghiệp, điện dân dụng, may thiết kế thời trang, điện tử dân dụng....

b. Thuận lợi và khó khăn trong học nghề ngắn hạn tại địa phương

**** Thuận lợi***

Việc đẩy mạnh công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn của Sở Lao động Thương binh và Xã hội TPCT trong những năm qua có ý nghĩa rất thiết thực trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nó đóng vai trò quan trọng trong việc chuyển dịch cơ cấu lao động từ lĩnh vực nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, học viên nhận được thuận lợi như sau:

Có chính sách hỗ trợ dạy nghề: Hiện nay, phần lớn học viên gặp thuận lợi nhất trong quá trình học nghề như là được miễn học phí, trợ cấp tiền ăn hoặc cho dụng cụ sau khi học. Qua đó, cho thấy Nhà nước đã tạo mọi điều kiện thuận lợi giúp lao động nông thôn có tay nghề nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội.

- ***Đào tạo nghề tại xã:*** nhằm tạo điều kiện cho những hộ không có phương tiện có thể đi đến lớp học nghề thì việc mở lớp tại địa

phương sẽ rất thuận tiện cho học viên.

- ***Xin được việc làm:*** Sau khi học nghề, học viên nào cũng muốn tìm được việc làm (nhưng trên thực tế tỷ lệ này rất thấp, khoảng 15%). Những lao động này chủ yếu xin việc tại các công ty trong khu công nghiệp của TPCT.

Ngoài những ý trên lao động cho rằng học nghề tại địa phương thì họ còn có một vài thuận lợi khác như: Giáo viên nhiệt tình, đa dạng ngành nghề và được vay vốn khi học nghề. Qua đó, thể hiện việc dạy nghề cho lao động tại địa phương sẽ giúp cho lao động thuận lợi đến học nghề hơn là tập trung đi học xa nhà.

**** Khó khăn***

Bên cạnh những thuận lợi thì học viên gặp một số khó khăn khi tham gia các lớp học nghề tại địa phương như sau:

- ***Chất lượng dạy nghề thấp:*** Quá trình đô thị hóa ngày càng diễn ra mạnh mẽ thì nhu cầu cần lao động có tay nghề cao. Tuy nhiên, công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn chỉ dừng lại trình độ sơ cấp (biểu biết cơ bản). Yếu tố chất lượng dạy nghề thấp, được học viên nhận định do nhiều nguyên nhân: Thời gian dạy quá ngắn nên học viên chưa kịp tiếp thu kiến thức và thành thạo tay nghề, dạy lý thuyết nhiều, trang thiết bị chưa đầy đủ, giáo viên dạy không theo phương pháp dạy người lớn chủ yếu là truyền đạt lý thuyết suông không có hình ảnh minh họa, nội dung bài giảng chưa phù hợp. Bên cạnh đó, các lớp đào tạo nghề ngắn hạn tại địa phương thường dạy mang tính chất cơ bản và dạy lý thuyết nhiều hơn thực hành; Thêm vào đó, dụng cụ thực hành của một số ngành nghề không đủ và cũ kỹ lạc hậu và trình độ học vấn trong nhóm khác nhau nên rất khó truyền đạt.

- ***Thiếu tiền học nghề:*** Đây là vấn đề mà phần lớn những lao động thuộc diện nghèo

gặp phải, do phần lớn những hộ nghèo thường không có đất canh tác hoặc ít đất canh tác, nên họ sống vào nghề làm thuê mướn là chính. Thêm vào đó, số lao động sống phụ thuộc trong gia đình nhiều nên việc thu chi thường gặp khó khăn. Hơn nữa, những lao động đi học nghề được thì lại là lao động tạo thu nhập cho gia đình. Do đó, nếu để cho lao động này đi học thì cuộc sống hàng ngày của nông hộ sẽ gặp khó khăn. Đây là vấn đề nảy sinh mới trong đề án đào tạo nghề mặc dù họ được hỗ trợ từ đề án nhưng vẫn không thể nào bỏ thời gian đi học. Vì vậy, các nhà hoạch định chính sách cần xem xét để có những chính sách đi kèm kịp thời nhằm giúp cho lao động nghèo có điều kiện tham gia học nghề.

- *Hỗ trợ tiền ăn uống*: Việc miễn phí tiền học và trợ cấp tiền ăn 10.000 đồng/ngày hoặc là nhận bộ dụng cụ sau khi học nghề là một cơ hội tốt để lao động nghèo ở vùng nông thôn tiếp cận học nghề. Tuy nhiên, với thời buổi giá cả tăng vọt như hiện nay thì hỗ trợ trên là quá thấp, đặc biệt đối với học viên có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, nên các chương trình dạy nghề cho lao động nông thôn rất khó thu hút lao động thuộc hộ nghèo.

Khó xin được việc làm: Đây là vấn đề quan trọng mà học viên luôn quan tâm sau khi học nghề là tìm được việc làm sau khi học xong. Điều này là do trình độ học vấn của lao động thấp học nghề quá ngắn hạn nên tay nghề yếu. Ngoài ra, khi học nghề xong không được giới thiệu việc làm, tay nghề yếu và giấy chứng nhận sơ cấp nên khó có cơ hội tìm việc ngoài trừ có quen biết mới xin việc được. Nếu xin việc được thì trả lương rất thấp không đủ chi phí sinh hoạt nên cũng không mặn mà để làm.

Trên đây là một số khó khăn chính của người lao động trong quá trình học nghề, ngoài ra còn một số khó khăn khác như: hạn

chế đối tượng tham gia, địa điểm học không ổn định, ngành nghề không phù hợp.

Nhận xét: Sau khi tìm hiểu một số khó khăn của lao động trong việc học nghề thì vấn đề cần nghiên cứu sâu thêm là: Khi thực thi chính sách thì mong muốn sẽ giúp các lao động nghèo ở nông thôn học nghề và có việc làm. Tuy nhiên, với số tiền hỗ trợ ít và khó tìm việc làm sau khi học nghề thì rất khó thu hút lao động nghèo đăng ký học. Vì vậy, để mang lại hiệu quả thiết thực hơn thì chính sách sách hỗ trợ cho người đi học nghề cần đặc biệt lưu ý đến hai vấn đề định mức hỗ trợ và phương thức hỗ trợ để đảm bảo người đi học có thể học được nghề và sau đó sử dụng được nghề đã học.

b. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của lao động trong học nghề

Để tìm giải pháp nâng cao hơn nữa hiệu quả của chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn, phương pháp phân tích SWOT được tiến hành. Kết quả trình bày qua Bảng 2.

** Điểm mạnh*

- Dân số của lao động nông thôn TPCT dồi dào, lao động trẻ trong độ tuổi từ 15 - 29 tuổi chủ yếu có trình độ cấp 2 và cấp 3. Do đó, nếu được đào tạo tốt sẽ là nguồn lao động có tay nghề đáp ứng nhu cầu về lao động cho các khu công nghiệp.

Ủy ban Nhân dân và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội TPCT đã triển khai thực hiện đề án dạy cho lao động nông thôn, bộ đội phục viên xuất ngũ,... các đề án này sẽ góp phần đào tạo nghề cho người lao động, giúp họ tìm được việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động, đồng thời nó góp phần lớn cho việc đào tạo nâng cao nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn kỹ thuật và tay nghề ngày càng cao. Hiện nay, đề án đã đầu tư thêm trang thiết bị cho các trung tâm dạy nghề và phát triển thêm

mạng lưới cơ sở dạy nghề.

- Từ khi TPCT trở thành đô thị loại I trực thuộc trung ương thì nhiều dịch vụ như: Nhà hàng, khách sạn, quán ăn, dịch vụ vui chơi... đã góp phần giải quyết việc làm cho nhiều lao động.

** Điểm yếu*

Hiện nay, phần lớn các ngành nghề đào tạo cho lao động nông thôn ngắn hạn (2-3 tháng). Chất lượng dạy đào tạo nghề thấp, nội dung chương trình, giáo trình giảng dạy chất lượng chưa cao, trang thiết bị thực hành còn hạn chế chưa phù hợp với sự thay đổi nhanh công nghệ sản xuất của doanh nghiệp, thiếu đội ngũ giáo viên cơ hữu. Thêm vào đó, trình độ học vấn của lao động nông thôn thấp nên mức độ tiếp thu thấp nên sau khóa học tay nghề yếu. Người lao động không tự tin để làm và nếu có làm cũng được thuê với mức lương thấp. Bên cạnh đó, việc đào tạo ngành nghề chưa gắn với đầu ra (nơi tuyển dụng). Từ đó, người lao động không muốn tham gia học. Hiện tại, địa phương chưa có định hướng chiến lược đào tạo nghề trong thời gian tới. Công tác đào tạo nghề trên địa bàn quận thiếu tính liên kết giữa các đơn vị dạy nghề do đó đầu tư về công tác này thiếu chiều sâu, chất lượng đào tạo thấp, vừa thừa nhưng lại vừa thiếu, không có chiến lược phát triển hiệu quả và bền vững. Mặt khác, các đơn vị dạy nghề, người học nghề và các đơn vị sử dụng lao động vẫn chưa gặp nhau nên trong thực tế công tác dạy nghề gặp các khó khăn mặc dù nhà nước đã hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ kinh phí đào tạo.

- Người lao động chưa hiểu rõ và đúng về học nghề, phần lớn lao động có tư tưởng ỷ lại và trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước. Họ chưa nghĩ rằng học nghề là mang lại quyền lợi cho bản thân và gia đình, nhiều lao động chỉ đến lớp học nghề để nhận tiền hoặc dụng

cụ. Chính vì thế sau khi kết thúc khóa học nhiều học viên không biết làm.

- Cơ cấu ngành nghề đào tạo vẫn chưa thật sự phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động. Đào tạo nghề chưa nối kết được với các nhà doanh nghiệp nên sau khi học nghề ra nếu doanh nghiệp nhận lại thì phần lớn đều phải học nghề lại. Hệ quả kết theo là sau khi học nghề lao động khó tìm được việc làm mặc thì các doanh nghiệp vẫn thiếu lao động. Do đó, Việt Nam luôn thiếu nguồn lao động cao cung cấp cho các doanh nghiệp thuộc các ngành kinh tế mũi nhọn, ngành kinh tế trọng điểm và cho xuất khẩu lao động.

** Cơ hội*

- Ủy ban Nhân dân và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội TPCT có nhiều chương trình để án dạy nghề cho người lao động ở nông thôn, cho bộ đội phục viên xuất ngũ,... các đề án này đã và đang phát triển thêm các mạng lưới cơ sở dạy nghề tại địa phương và đầu tư thêm trang thiết bị cho các trung tâm dạy nghề của các quận/buôn. Các đề án này sẽ góp phần đào tạo nghề cho người lao động, giúp họ tìm được việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động, đồng thời nó góp phần lớn cho việc đào tạo nâng cao nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn kỹ thuật và tay nghề ngày càng cao.

Trên địa bàn TPCT đã được xây nhiều khu công nghiệp, cơ sở hạ tầng đang phát triển. Đây sẽ là cơ hội để nhà nước có những chính sách phù hợp nhằm khuyến khích các doanh nghiệp gắn kết vào các chương trình dạy nghề cho lao động nhằm thực hiện tốt mục tiêu "xã hội hóa dạy nghề".

** Thách thức*

Tình trạng hiện nay là chưa xác định được nhu cầu ngành nghề của thị trường cần cung cấp vì vậy dẫn đến một số ngành nghề thiếu cung - thừa cầu. Để cân bằng thị trường lao động, cần liên kết với các doanh

ng nghiệp để xác định các nhóm ngành nghề cần đào tạo trong tương lai. Qua đó, sẽ góp phần nâng cao hiệu quả chương trình đào tạo nghề và giúp cho người học nghề dễ dàng tìm việc làm.

- Lực lượng lao động chủ yếu là lao động phổ thông có trình độ tay nghề thấp, so với khu vực khác và địa bàn lân cận, trong khi đó nhu cầu lao động ngày càng cao về chất lượng. Tuy nhiên, nếu lực lượng lao động trên địa bàn không đủ trình độ chuyên môn tay nghề để đáp ứng với sự tiến bộ kỹ thuật cao, thì tương lai phải nhường chỗ cho lực lượng lao động tri thức từ các nơi khác đến.

- Chính sách đào tạo nghề được ban hành nhằm hướng tới đào tạo nghề và giải quyết

việc làm cho lao động ở nông thôn đặc biệt quan tâm nhiều đến hộ nghèo. Nhưng thực tế lao động của hộ nghèo lại khó tiếp cận. Nguyên nhân chính là họ không thể bỏ công việc để yên tâm đến học nghề. Vì vậy, nếu chương trình dạy nghề không kịp thời bổ sung các chính sách đi kèm thì con em hộ nghèo sẽ không tiếp cận được các chương trình này.

* Các nhóm giải pháp

A. Các nhóm giải pháp rút ra từ ma trận SWOT

Căn cứ vào kết quả thực hiện PRA và thực trạng học nghề của quận trong thời gian qua, trên cơ sở phân tích điểm mạnh điểm yếu, cơ hội và rủi ro từ đó thiết lập nên ma trận SWOT như sau:

Bảng 2: Phân tích SWOT về hiện trạng học nghề của lao động nông thôn vùng ven TPCT

SWOT		Yếu tố bên trong	
		Liệt kê các điểm mạnh (S) S ₁ . Nguồn lao động dồi dào S ₂ . Các quận/huyện đều có trung tâm dạy nghề. Có nhiều cơ sở dạy nghề tại quận Bình Thủy và Ninh Kiều S ₃ . Chương trình và chính sách đào tạo nghề miễn phí S ₄ . Được sự quan tâm, nhiệt tình giúp đỡ của các cơ quan chức năng. S ₅ . Các dịch vụ như: Nhà hàng, khách sạn, quán ăn, vui chơi giải trí phát triển mạnh.	Liệt kê các điểm yếu (W) W ₁ . Chất lượng đào tạo thấp: W ₂ . Người lao động chưa hiểu rõ và đúng về học nghề. W ₃ . Ngành nghề chưa đáp được nhu cầu xã hội W ₄ . Trình độ học vấn của lao động nông thôn còn thấp W ₅ . Chưa có sự liên kết giữa đào tạo và nhà tuyển dụng
Yếu tố bên ngoài	Liệt kê các cơ hội (O) O ₁ . Hoàn chỉnh mạng lưới đào tạo nghề O ₂ . Mở rộng chương trình và chính sách đào tạo nghề O ₃ . Thị trường lao động dồi dào O ₄ . Có nhiều khu công nghiệp và doanh nghiệp O ₅ . Chính sách cho hộ nghèo vay vốn học nghề	S+O: Phát triển, đầu tư S ₁ , S ₂ , S ₃ , S ₄ , S ₅ +O ₁ , O ₂ , O ₃ , O ₄ → + Đào tạo nghề và nâng cao chất lượng nguồn lao động + Phát triển mạng lưới dạy nghề hoàn chỉnh hơn + Liên kết với các khu công nghiệp và doanh nghiệp trong đào tạo nghề + Chính sách thu hút các doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề	W+O: Tận dụng, khắc phục W ₁ + O ₁ , O ₂ , O ₃ → chính sách đầu tư trang thiết bị và nâng cao chất lượng dạy nghề cho lao động W ₄ , W ₂ + O ₂ → Tổ chức lại lớp học, phân nhóm theo trình độ và nâng cao nhận thức của lao động O ₄ , O ₅ + W ₃ , W ₅ → Kết hợp nhà doanh nghiệp - nhà nước - cơ sở dạy nghề

Liệt kê các đe dọa (T) T₁. Chưa xác định được nhu cầu ngành nghề của thị trường T₂. Thị trường lao động ngày càng đòi hỏi trình độ và tay nghề cao T₃. Thiếu nguồn lao động có chuyên môn tay nghề	S + T: Duy trì, khống chế S₁₁, S₂, S₃ + T₁, T₂, T₃ → · Đào tạo nghề, nâng cao chất lượng và uy tín lao động · Thay đổi hình thức và định mức hỗ trợ trong chính sách dạy nghề để hộ nghèo được tiếp cận · Cần khảo sát nhu cầu ngành nghề và có chiến lược phát triển ngành nghề cho từng địa phương	W+T: Khắc phục, né tránh W₁, W₂ + T₁, T₂, T₃ → phân loại trình độ của học viên để nâng cao chất lượng tay nghề cho lao động
--	--	--

Nguồn: Tổng hợp từ phỏng vấn nhóm nông hộ và phỏng vấn lãnh đạo, 2010.

B. Các giải pháp cụ thể

Đào tạo nghề cho lao động nông thôn là việc cần thiết và cấp bách. Tuy nhiên, để thúc đẩy quá trình đào tạo theo hướng tích cực, phù hợp thì cần đến sự phối hợp nhịp nhàng nhiều mặt và tác động bằng nhiều giải pháp khác nhau:

+ **Nâng cao chất lượng đào tạo:** Do nhu cầu cần đào tạo nghề theo lứa tuổi và trình độ của người lao động. Qua đó, sẽ có cách bố trí thời gian hợp lý và dạy nghề nguyên vọng của người lao động thì họ sẽ dễ dàng phát huy năng lực sẵn có của lao động. Bên cạnh đó, phải có đội ngũ giáo viên giỏi, thay đổi phương pháp dạy cho phù hợp với từng nhóm tuổi, bài giảng nên theo kiểu người lớn, sử dụng trợ huấn cụ cho học viên dễ nhớ, nội dung bài giảng phải đạt yêu cầu. Song song đó, nên tăng giờ thực hành và dụng cụ thực hành phải đủ cho từng học viên, trang thiết bị phải phù hợp tránh cho thực hành trang thiết bị quá lạc hậu.

+ **Hỗ trợ phát triển mạng lưới cơ sở đào tạo:** Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học (đa ngành nghề) để phát triển mạng lưới cơ sở dạy nghề đủ mạnh về số lượng và chất lượng, từ đó thu hút được thanh niên theo học nghề. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và đội ngũ giáo viên cho các trung tâm dạy nghề, trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề quận, huyện để

phát huy tối đa vai trò xung kích trong đào tạo nguồn nhân lực cho các địa phương. Huy động các trường, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức của các Bộ, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, các trường đại học, cao đẳng, trung cấp tham gia công tác đào tạo, bồi dưỡng có sự hỗ trợ của nhà nước (đặt hàng đào tạo, bồi dưỡng theo yêu cầu: về nội dung, giáo trình, phương pháp, địa điểm thời gian, kinh phí...).

+ **Liên kết chặt chẽ giữa nhà nước - cơ sở dạy nghề - doanh nghiệp:** Nên có sự liên kết chặt chẽ giữa Nhà nước, nhà doanh nghiệp và cơ sở đào tạo nghề thì việc đào tạo nghề cho lao động nông thôn sẽ có hiệu quả cao hơn. Nhà nước đóng vai trò ban hành các chính sách khuyến khích. Công ty là người sử dụng trực tiếp lao động sẽ dễ dàng kết hợp đào tạo theo nhu cầu cần sử dụng và có tính chuyên môn hơn. Vai trò của cơ sở đào tạo và doanh nghiệp rất quan trọng: Doanh nghiệp và cơ sở dạy nghề cùng phối hợp xây dựng tiêu chuẩn, kỹ năng nghề, thiết kế chương trình và tham gia vào quá trình giảng dạy, đánh giá kết quả học tập của người học nghề. Ngược lại, cơ sở dạy nghề sẽ nắm bắt kịp thời về thông tin, về nhu cầu của doanh nghiệp (nghề, trình độ, mức độ kỹ năng...) để tổ chức đào tạo phù hợp. Liên kết được như thế thì chương trình đào tạo nghề và giải quyết việc làm sẽ giúp cho lao động nông thôn có tay nghề và việc làm. Bên cạnh

đó, chương trình dạy nghề nên đào tạo nghề theo nhu cầu của doanh nghiệp chứ không nên đào tạo nghề theo nhu cầu của lao động.

+ *Hỗ trợ vốn cho lao động nghèo muốn đi học nghề*: Đối với lao động nghèo không đáp ứng được các yêu cầu về tài chính, cần có chính sách đi kèm về vay vốn trong thời gian đi học để lao động có điều kiện đến lớp.

+ *Phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý*: Tăng biên chế cho các trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trung tâm dạy nghề công lập để phát triển đội ngũ giáo viên đủ số lượng; đồng thời, tăng cường đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đảm bảo phù hợp với các chuẩn quy định để đảm bảo chất lượng giảng dạy. Có chính sách đãi ngộ giáo viên tham gia giảng dạy các lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn hợp lý, nhằm tạo động lực để các giáo viên hăng hái trong công tác, nâng cao hiệu quả đào tạo.

+ *Phát triển chương trình, giáo trình, học liệu*: Phát triển chương trình, giáo trình, học liệu dạy nghề trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 03 tháng; xây dựng danh mục thiết bị dạy nghề. Nhằm đổi mới và phát triển chương trình, giáo trình, học liệu dạy nghề cho lao động nông thôn theo yêu cầu của thị trường lao động, thường xuyên cập nhật kỹ thuật, công nghệ mới. Huy động các nhà khoa học, nghệ nhân, cán bộ kỹ thuật, kỹ sư, người lao động có tay nghề cao tại các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh, các trung tâm khuyến nông - lâm - ngư, nông dân sản xuất giỏi tham gia xây dựng chương trình, giáo trình, học liệu dạy nghề cho lao động nông thôn.

+ *Tăng cường công tác điều tra khảo sát để dự báo*: Đầu tư kinh phí xây dựng Trung tâm dự báo nguồn nhân lực và thông tin thị trường lao động, để thực hiện nhiệm vụ dự báo nhu cầu lao động và hỗ trợ đào tạo, cung

ứng nguồn nhân lực cho doanh nghiệp. Phải thực hiện các cuộc điều tra, khảo sát để nắm được chính xác số liệu về nguồn lao động của định phương, nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo nghề, cơ cấu ngành nghề tuyển dụng, nhu cầu học nghề, cơ cấu nghề cần đào tạo... để làm cơ sở xây dựng kế hoạch dạy nghề phù hợp với yêu cầu phát triển của địa phương.

+ *Đẩy mạnh công tác định hướng nghề nghiệp cho người lao động nông thôn nhất là thanh niên*: Thông qua nhiều kênh thông tin và hình thức thực hiện để thanh niên dễ dàng tiếp cận và tìm hiểu những ngành nghề mà mình dự định theo học, cũng như việc định hướng cho họ, giúp họ hiểu rõ hơn học xong ra trường họ sẽ làm gì.

+ *Công tác tuyển sinh*: Đào tạo nghề cho các lớp ngắn hạn cho các đối tượng lao động để góp phần giải quyết việc làm, nâng cao hiệu quả sản xuất sẽ tăng cường công tác tuyên truyền tư vấn đào tạo nghề và việc làm cho người lao động, đặc biệt là đối tượng học sinh tốt nghiệp phổ thông cơ sở để đi học nghề trình độ trung cấp. Rà soát số giáo viên hiện có của đơn vị để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hoá các yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng nghề đáp ứng theo quy định để nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng đào tạo; đồng thời, yêu cầu các cơ sở dạy nghề phải xây dựng kế hoạch tuyển dụng giáo viên để đảm bảo số lượng giáo viên cơ hữu theo quy định, phấn đấu các nghề đào tạo đều có giáo viên cơ hữu.

Tóm lại, trên thực tế, mặc dù các hỗ trợ vẫn đã và đang được áp dụng tuy nhiên các hỗ trợ này dường như chưa đủ để thu hút những lao động thuộc hộ nghèo rời bỏ hẳn công việc hàng ngày để tham gia học nghề. Do vậy, trong thời gian tới, các chính sách hỗ trợ cho người lao động tham gia học nghề

cần được điều chỉnh kể cả về mặt định mức cũng như phương thức hỗ trợ để đảm bảo các chương trình đào tạo nghề cho người lao động được thực hiện một cách có hiệu quả. Từ đó, đảm bảo người di học có thể học được nghề và sau đó sử dụng được nghề đã học để tìm việc làm.

3. Kết luận

Qua việc phân tích như trên cho thấy, lao động nông thôn rất hạn chế khả năng tự tìm việc, phần lớn lao động nhận thông tin việc làm từ các nguồn không chính thống. Khó khăn chính trong việc làm mà lao động gặp phải là thu nhập không ổn định. Đối với nhóm sản xuất nông nghiệp thì giá đầu vào và đầu ra không ổn định. Đối với nhóm công nhân (lao động phổ thông) thì môi trường làm việc độc hại và thường xuyên bị tăng ca nhưng số tiền trả cho giờ tăng ca thấp.

Tăng cường mở các buổi tư vấn giới thiệu việc làm tại các địa phương và hình thành các điểm truy cập internet công cộng tại cộng đồng

Đối với việc học nghề tại địa phương thì phần lớn lao động nhận thông tin từ bà con hàng xóm, chính quyền địa phương và thông tin đại chúng. Qua đó, cho thấy vai trò của chính quyền địa phương rất tích cực trong việc tuyên truyền vận động cho lao động học nghề. Khó khăn lớn nhất mà lao động nhận

xét về chương trình dạy nghề cho lao động nông thôn là chất lượng dạy nghề thấp nên lao động sau khi học nghề khó tìm việc làm.

Mặc dù, Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đã được nhà nước hỗ trợ kinh phí nhưng chưa thu hút được lao động đến tham gia học nghề, nhất là lao động nghèo. Do vậy, để Đề án dạy nghề phát huy hiệu quả cao hơn cần có những nghiên cứu sâu hơn để đào tạo được nguồn lao động có chất lượng trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2007). *Báo cáo Thực trạng và phương hướng giải quyết việc làm cho vùng kinh tế trọng điểm vùng DBSCL*. Hà Nội. 10 trang.

Vương Bình Thạnh (2009). *Báo cáo Thực trạng về cung và cầu lao động tại các công ty*. TPCM. 8 trang.

Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020.

Chỉ thị số 27-CT/TU ngày 29 tháng 3 năm 2010 của Thành ủy Cần Thơ về Tăng cường sự lãnh đạo công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020.